ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO THÔNG TƯ 23/2014/TT-BGDĐT
HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số: 3003 /QĐ-ĐHCN, ngày 19 tháng 12 năm 2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
					ĐHT	XLRL		
1.	KHMT	21020467	Nguyễn Thị Thúy Hường	30/09/2003	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
2.	KHMT	21020615	Võ Tín Dư	26/06/2003	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
3.	KHMT	21020668	Nguyễn Hương Thảo	29/01/2003	3.96	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
4.	KHMT	21021476	Nguyễn Đình Thành Đạt	12/08/2003	3.95	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
5.	KHMT	21020476	Lưu Văn Đức Thiệu	29/11/2003	3.95	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
6.	KHMT	21020205	Nguyễn Tuấn Hưng	16/11/2003	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
7.	KHMT	21020207	Đoàn Đức Kiên	04/09/2003	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
8.	KHMT	21020607	Phạm Hoàng Ân	09/01/2003	3.92	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
9.	KHMT	21020189	Hoàng Thị Thu Hà	11/05/2003	3.90	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
10.	KHMT	21020267	Nguyễn Nam Khánh	24/08/2003	3.90	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
11.	KHMT	21020649	Lê Vũ Minh	13/09/2003	3.90	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
12.	KHMT	21020621	Lê Hoàng Minh Hà	07/12/2003	3.90	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
13.	KHMT	21020656	Nguyễn Diệu Nhật	31/10/2003	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
14.	KHMT	21020049	Đinh Thị Trà My	13/02/2003	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
15.	KHMT	21020512	Mai Ngọc Duy	24/12/2003	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
16.	KHMT	21021469	Vũ Hoàng Duy	11/10/2003	3.87	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
17.	KHMT	21020674	Chu Ngọc Vượng	21/09/2003	3.87	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
18.	KHMT	21020511	Trần Nam Dân	30/03/2003	3.86	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
19.	KHMT	21020638	Nguyễn Minh Kiên	14/08/2003	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
20.	KHMT	22028239	Phạm Công Minh	29/11/2004	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
21.	KHMT	22028009	Tạ Xuân Duy	21/03/2004	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
22.	KHMT	22028140	Hoàng Anh Minh	29/11/2004	3.97	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
23.	KHMT	22028016	Bùi Hồng Quân	17/03/2004	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
24.	KHMT	22028071	Bùi Đức Anh	21/09/2004	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
25.	KHMT	22028332	Nguyễn Phương Anh	30/11/2004	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
26.	KHMT	22028074	Nguyễn Hoàng Anh	11/09/2004	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
27.	KHMT	22028092	Ngô Tùng Lâm	09/09/2004	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
28.	KHMT	22028131	Lê Xuân An	18/10/2004	3.90	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
29.	KHMT	22028142	Nguyễn Ngọc Hưng	04/08/2004	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
30.	KHMT	22028079	Vũ Nguyệt Hằng	26/02/2004	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
31.	KHMT	22028193	Bùi Thế Công	23/03/2004	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
32.	KHMT	22028297	Trần Thu Thủy	12/01/2004	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
33.	KHMT	22028104	Chu Huy Quang	14/11/2004	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
34.	KHMT	22028245	Trần Văn Sơn	03/08/2004	3.87	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
35.	KHMT	22028238	Phan Anh Tú	30/10/2004	3.87	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
36.	KHMT	22028042	Ngô Lê Hoàng	11/08/2004	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
37.	KHMT	22028017	Nguyễn Bảo Dung	02/04/2003	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
38.	KHMT	22028240	Đỗ Tiến Đạt	16/02/2004	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
39.	KHMT	22028129	Tăng Vĩnh Hà	10/04/2005	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
40.	KHMT	22028251	Nguyễn Thành Long	22/07/2004	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
41.	KHMT	22028151	Nguyễn Thị Lan Hương	03/01/2004	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
42.	KHMT	22028168	Trần Minh Tuấn	17/09/2004	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
43.	KHMT	22028089	Lê Thế Phương Minh	11/09/2004	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
44.	KHMT	22028235	Vũ Tùng Lâm	05/02/2004	3.83	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
45.	KHMT	22028077	Nguyễn Quang Huy	11/08/2004	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
46.	KHMT	22028183	Trần Huy Hoàng	21/07/2004	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
47.	KHMT	22028226	Nguyễn Đàm Kiên	30/04/2004	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
							Tổng:	**869.500.000**
Số tiền bằng chữ: ***Tám trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng./.***								

Ấn định danh sách có 47 sinh viên./.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO THÔNG TƯ 23/2014/TT-BGDĐT
HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(kèm theo Quyết định số: 3003 /QĐ-ĐHCN, ngày 19 tháng 12 năm 2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
					ĐHT	XLRL		
1.	MMT&TTDL	20020324	Phạm Thị Khánh Linh	28/12/2002	3.90	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
2.	MMT&TTDL	20021455	Đặng Thành Trung	25/07/2002	3.60	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
3.	MMT&TTDL	20021460	Đỗ Anh Tú	16/01/2002	3.73	Tốt	Giỏi	17.500.000
4.	MMT&TTDL	20021306	Nguyễn Đức Chính	31/05/2002	3.57	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
5.	MMT&TTDL	20021348	Đỗ Xuân Hiệp	23/02/2002	3.50	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
6.	MMT&TTDL	20021399	Trần Thị Ngân	03/11/2002	3.50	Tốt	Giỏi	17.500.000
7.	MMT&TTDL	21020191	Bùi Đức Hải	07/06/2003	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
8.	MMT&TTDL	21020469	Nguyễn Đức Lộc	05/08/2003	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
9.	MMT&TTDL	21020468	Nguyễn Hồng Lĩnh	08/12/2003	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
10.	MMT&TTDL	22025515	Vũ Tuấn Hùng	13/05/2004	3.80	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
11.	MMT&TTDL	22025500	Bùi Tuấn Minh	28/05/2004	3.73	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
12.	MMT&TTDL	22025517	Nguyễn Minh Châu	22/01/2004	3.72	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
13.	MMT&TTDL	22025501	Đỗ Trí Dũng	08/02/2004	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
							Tổng cộng:	**236.500.000**
Số tiền bằng chữ: ***Hai trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng./.***								

Ấn định danh sách có 13 sinh viên./.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO THÔNG TƯ 23/2014/TT-BGDĐT
HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(kèm theo Quyết định số: 3003 /QĐ-ĐHCN, ngày 19 tháng 12 năm 2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
					ĐHT	XLRL		
1.	HTTT	21020633	Nguyễn Quang Huy	03/08/2003	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
2.	HTTT	21021457	Nguyễn Lê Linh Chi	15/02/2003	3.95	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
3.	HTTT	21020111	Đoàn Văn Nguyên	02/02/2003	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
4.	HTTT	21020466	Đặng Vũ Quỳnh Hương	11/01/2003	3.80	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
5.	HTTT	22024546	Lê Tuấn Kiệt	27/07/2004	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
6.	HTTT	22024553	Nguyễn Trung Nguyên	11/07/2003	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
7.	HTTT	22024500	Lê Minh Tâm	16/06/2004	3.80	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
8.	HTTT	22024505	Nguyễn Hà Linh	05/09/2004	3.79	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
9.	HTTT	22024516	Nguyễn Thị Thanh Lam	25/02/2004	3.76	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
10.	HTTT	22024547	Nguyễn Quang Minh	22/04/2004	3.76	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
							Tổng cộng:	**185.000.000**
Số tiền bằng chữ: ***Một trăm tám mươi lăm triệu đồng./.***								

Ấn định danh sách có 10 sinh viên./.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO THÔNG TƯ 23/2014/TT-BGDĐT
HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số: 3003 /QĐ-ĐHCN, ngày 19 tháng 12 năm 2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
					ĐHT	XLRL		
1.	CNKTĐTVT	21020710	Nguyễn Thành Vinh	06/02/2003	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
2.	CNKTĐTVT	21020692	Nguyễn Thế Khang	23/06/2003	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
3.	CNKTĐTVT	21020678	Phạm Hải Anh	28/09/2003	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
4.	CNKTĐTVT	21020687	Nguyễn Mạnh Hùng	11/06/2003	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
5.	CNKTĐTVT	21020737	Đặng Thị Thu Uyên	28/09/2003	3.76	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
6.	CNKTĐTVT	21021632	Trần Thị Ngọc Tâm	08/10/2003	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
7.	CNKTĐTVT	21021599	Lê Mạnh Kha	20/11/2003	3.70	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
8.	CNKTĐTVT	21021618	Vương Hoàng Minh	01/04/2003	3.67	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
9.	CNKTĐTVT	21020730	Nguyễn Thùy Linh	18/03/2003	3.67	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
10.	CNKTĐTVT	21021638	Phạm Minh Thắng	03/11/2003	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
11.	CNKTĐTVT	21020727	Nguyễn Mai Chi	01/09/2003	3.62	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
12.	CNKTĐTVT	21021612	Trương Hoàng Mạnh	08/11/2003	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
13.	CNKTĐTVT	21020699	Trần Hà Thảo Nguyên	20/07/2003	3.60	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
14.	CNKTĐTVT	22029001	Nguyễn Quang Thái	25/09/2004	3.66	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
15.	CNKT ĐTVT	22029064	Tạ Thị Huyền Trang	08/07/2004	3.57	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
16.	CNKT ĐTVT	22029057	Nguyễn Việt Anh	28/12/2004	3.56	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
17.	CNKT ĐTVT	22029071	Trần Duy Long	15/05/2004	3.55	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
18.	CNKT ĐTVT	22029094	Phạm Yến Nhi	21/07/2004	3.50	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
19.	CNKT ĐTVT	22029034	Trần Trung Đức	06/08/2004	3.48	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
20.	CNKT ĐTVT	22029054	Ngô Anh Sơn	12/05/2004	3.48	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ II năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
21.	CNKT ĐTVT	22029083	Đặng Ngọc Giáp	10/01/2004	3.44	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
22.	CNKT ĐTVT	22029037	Ngô Quang Tăng	23/01/2004	3.33	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
23.	CNKT ĐTVT	22029030	Lê Thế Hiển	31/01/2004	3.28	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
24.	CNKT ĐTVT	22029046	Phùng Thị Linh	30/08/2004	3.21	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
							Tổng cộng:	**434.000.000**
Số tiền bằng chữ: ***Bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng./.***								

Ấn định danh sách có 24 sinh viên./.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO THÔNG TƯ 23/2014/TT-BGDĐT
HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số: 3003 /QĐ-ĐHCN, ngày 19 tháng 12 năm 2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ I năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
					ĐHT	XLRL		
1.	CNKT CĐT	21021330	Phan Trung Kiên	21/10/2003	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
2.	CNKT CĐT	21020156	Nguyễn Bình Minh	18/12/2003	3.79	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
3.	CNKT CĐT	21021363	Nguyễn Khánh Sơn	30/07/2003	3.76	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
4.	CNKT CĐT	21021259	Dương Cao Kỳ Anh	30/07/2003	3.73	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
5.	CNKT CĐT	21020578	Nguyễn Tuấn Anh	20/01/2003	3.72	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
6.	CNKT CĐT	21021260	Dương Thị Vân Anh	28/08/2003	3.71	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
7.	CNKT CĐT	21021269	Vũ Việt Anh	27/12/2003	3.67	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
8.	CNKT CĐT	21020155	Nguyễn Tuấn Hưng	30/12/2003	3.67	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
9.	CNKT CĐT	21021280	Lê Chính Đại	14/05/2003	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
10.	CNKT CĐT	21021376	Hoàng Văn Thuận	21/11/2003	3.55	Tốt	Giỏi	17.500.000
11.	CNKT CĐT	21021320	Đỗ Khánh Hưng	13/02/2003	3.53	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
12.	CNKT CĐT	21021332	Đặng Minh Lân	09/10/2003	3.53	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
13.	CNKT CĐT	21021293	Nguyễn Minh Đức	07/01/2003	3.51	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
14.	CNKT CĐT	21020157	Lê Đăng Quân	30/12/2003	3.50	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
15.	CNKT CĐT	21021326	Phùng Mạnh Khang	02/07/2003	3.50	Tốt	Giỏi	17.500.000
16.	CNKT CĐT	21021345	Lưu Hoài Nam	16/05/2003	3.50	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
17.	CNKT CĐT	21021275	Yên Thế Duy	08/05/2003	3.48	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
18.	CNKT CĐT	22026162	Trần Quang Minh	17/01/2004	3.83	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
19.	CNKT CĐT	22026104	Nguyễn Tuấn Kiệt	12/05/2004	3.78	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
20.	CNKT CĐT	22026165	Phạm Trung Kiên	02/02/2004	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000

TT	Ngành	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ I năm học 2023-2024		Loại học bổng	Số tiền (đ)
21.	CNKT CĐT	22026133	Nguyễn Khánh Duy	20/10/2004	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
22.	CNKT CĐT	22026102	Nguyễn Huy Anh	27/01/2004	3.60	Xuất sắc	Xuất sắc	18.500.000
23.	CNKT CĐT	22026114	Hoàng Tùng Dương	11/09/2004	3.59	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
24.	CNKT CĐT	22026170	Nguyễn Trọng Hiệp	11/12/2004	3.57	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
25.	CNKT CĐT	22026167	Trịnh Hoàng Anh	25/09/2004	3.42	Xuất sắc	Giỏi	17.500.000
							Tổng cộng:	**451.500.000**
Số tiền bằng chữ: **Bốn trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng./.**								

Ấn định danh sách có 25 sinh viên./.